TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/4/2023
V/v *"Xin ly hôn và nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Bà **Nguyễn Thị Hồng Ánh**

***Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Không.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2023/TLST - HNGĐ ngày 01/02/2023 về việc "*Xin ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Đ**, sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2022 nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Chị Đ và anh C yêu thương nhau và cùng sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2000, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu tình cảm giữa vợ chồng rất vui vẻ và hạnh phúc, có hai người con chung. Tuy nhiên, thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu nhau,

thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân được một năm nay. Nay chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Ngọc N, sinh năm 2001 và Trần Thị Mộng Th, sinh năm 2006. Ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th đến tuổi trưởng thành. Chị Đ không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Đối với người con chung tên Trần Ngọc N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Ý kiến của bị đơn anh Trần Văn C:* Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh C vẫn vắng mặt. Do đó, không có lời khai của anh Trần Văn C.

** Tại phiên tòa anh Trần Văn C trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Đ yêu thương nhau và cùng sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2000, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì, việc vì sao chị Đ nộp đơn ly hôn với anh thì anh không biết. Nay Chị Đ yêu cầu được ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Ngọc N, sinh năm 2001 và Trần Thị Mộng Th, sinh năm 2006. Anh C đồng ý giao cháu Thi cho chị Đ nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với người con chung tên Trần Ngọc N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Đ thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn C thiết lập quan hệ hôn nhận vào năm 2000. Anh chị về chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn chủ mà chủ yếu là do không hiểu nhau, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh C không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên khi chị Đ yêu cầu ly hôn thì được anh C đồng ý.

Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa Chị Đ và anh C không có đăng ký kết hôn là vi phạm tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình 2014. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn C là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung:* Có 02 người con chung tên Trần Ngọc N, sinh năm 2001 và Trần Thị Mộng Th, sinh năm 2006.

Đối với người con chung tên Trần Ngọc N đã trưởng thành chị Đ và anh C thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với người con chung tên Trần Thị Mộng Th, chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và tại phiên tòa anh C cũng đồng ý giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, đồng thời tại bản tự khai ngày 06/3/2023 cháu Th cũng có nguyện vọng được ở với mẹ (chị Đ) sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giao con chung của các đương sự, giao cháu Trần Thị Mộng Th, sinh năm 2006 cho chị Đ nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Đ không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nợ chun*g: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn C là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn C. Giao cháu Trần Thị Mộng Th, sinh năm 2006 cho chị Trần Thị Đ nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với người con chung tên Trần Ngọc N đã trưởng thành chị Đ và anh C thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Trần Thị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Trong thời gian chị Trần Thị Đ nuôi con, anh Trần Văn C có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4/ Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004280, ngày 28/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Đ không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Báo cho anh Trần Văn C biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho chị Trần Thị Đ biết có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Quốc Chiến